

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Trang và bà Nguyễn Thị Tường Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*
Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST – HNGĐ ngày 31/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu H - sinh ngày 02/7/2003

Số CCCD: 038303xxxxxx

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Cao Xuân D - sinh ngày 05/4/1990

Số CCCD: 038090xxxxxx

Địa chỉ: Thôn 7, xã V, tỉnh T.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H và anh D (chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 26/12/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2024 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Cao Xuân D.

Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D có 01 con chung là Cao Xuân D1, sinh ngày: 21/6/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu D1 ở cùng với chị H, do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1. Chị H không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2025, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn là anh Cao Xuân D trình bày:

Về hôn nhân: Anh D và chị Phạm Thu H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T (nay là xã T, tỉnh T) vào ngày 26/12/2023. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng quan điểm chung, nên xảy ra nhiều cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh D xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để về nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Cao Xuân D1, sinh ngày: 21/6/2024. Nếu phải ly hôn anh D thống nhất giao cháu D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh ngày 17/10/2025, chính quyền địa phương xã V, tỉnh T nơi chị H, anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thu H, sinh năm 2003 và anh Cao Xuân D, sinh năm 1990 đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh T vào ngày 26/12/2023. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh D sinh sống cùng với anh D và bố, mẹ chồng. Đến cuối năm 2024 chị H mang theo con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã T, tỉnh T ở và từ đó vợ chồng sống ly thân. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị H, anh D mâu thuẫn là gì, chỉ biết từ khoảng cuối năm 2024 đến nay chị H và con là cháu Cao Xuân D1 không chung sống tại thôn 7, xã V cùng với chồng là anh D nữa. Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D có 01 con chung tên là: Cao Xuân D1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay cháu D1 ở cùng với chị

H tại xã T. Anh D có qua lại thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng con hay không chính quyền địa phương không nắm được. Về điều kiện kinh tế: Chị Phạm Thu H trước đây khi còn sinh sống tại xã V, chị H làm công nhân tại công ty may, công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Hiện nay chị H không sinh sống tại thôn 7, xã V nữa nên chính quyền địa phương cũng không nắm được hiện nay chị H làm gì, thu nhập như thế nào. Anh Cao Xuân D hiện nay đang sinh sống tại thôn 7, xã V. Anh D làm công nhân tại công ty may đóng trên địa bàn xã T công việc và thu nhập ổn định, nhưng cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh D, chị H không có nhà đất tại xã V. Quá trình sinh sống tại thôn 7, vợ chồng anh D, chị H và con ở cùng với bố, mẹ đẻ của anh D tại nhà của bố mẹ anh D là ông Cao Xuân C, bà Nguyễn Thị D2. Thu nhập bình quân tính theo đầu người trên địa bàn thôn 7, xã V, tỉnh T hiện nay trung bình khoảng 200.000 đồng/1 người/1 ngày. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã V chị H và anh D có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại biên bản xác minh 17/10/2025, chính quyền địa phương xã T, tỉnh T nơi chị H và cháu Cao Xuân D1 hiện nay sinh sống, cho biết: Về hôn nhân: Chị Phạm Thu H, sinh năm 2003 (quê quán: thôn Y, xã T) và anh Cao Xuân D, sinh năm 1990 (quê quán: xã V) đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã V, tỉnh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là xã T), tỉnh T vào ngày 26/12/2023. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh D sinh sống cùng với anh D và bố, mẹ chồng. Đến khoảng cuối năm 2024 chị H mang theo con nhỏ là cháu Cao Xuân D1 về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Y, xã T, tỉnh T ở từ đó cho đến nay. Chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị H, anh D mâu thuẫn là gì, chỉ biết từ cuối năm 2024 đến nay chị H và cháu D1 sinh sống tại nhà ông Phạm Ngọc H1, bà Vũ Thị T tại thôn Y. Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D có 01 con chung tên là: Cao Xuân D1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/6/2024. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay cháu D1 ở cùng với chị H tại xã T. Anh D thường xuyên qua lại thăm non con. Về điều kiện kinh tế: Chị Phạm Thu H hiện nay đang làm công nhân tại công ty may đóng trên địa bàn xã T công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh Cao Xuân D không có hộ khẩu thường trú, không cư trú sinh sống tại xã T nên chính quyền địa phương không nắm được.

Anh D, chị H không có nhà đất tại xã T. Quá trình sinh sống tại thôn Y, chị H và cháu D1 ở cùng với bố, mẹ đẻ của chị H là ông H1, bà T tại nhà của ông bà. Hiện nay ông H1, bà T đang còn khoẻ mạnh, có nhà cửa rộng rãi, kinh tế khá nên đã giúp đỡ mẹ con chị H rất nhiều cả về kinh tế, tinh thần và trông non con cái cho chị H đi làm. Về đạo đức, lối sống: Quá trình sinh sống tại địa phương xã T, ông H1, bà T và

chị H có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa chị Phạm Thu H vắng mặt, nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thu H, xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Cao Xuân D.

Giao con chung là cháu Cao Xuân D1, sinh ngày: 21/6/2024 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thu H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Cao Xuân D có hộ khẩu thường trú tại xã V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

Anh Cao Xuân D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh D cố tình trốn tránh. Chị Phạm Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D không có mặt theo quyết định của Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh D là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V nay là UBND xã T vào ngày

26/12/2023. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ tháng 10/2024 khi chị H mang theo con về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xét thấy đến nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án anh D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh D không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Cao Xuân D là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D có 01 con chung tên là Cao Xuân D1, sinh ngày: 21/6/2024 (giới tính: Nam). Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu D1 ở cùng với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Tại bản tự khai ngày 15/10/2025 anh Cao Xuân D cũng nhất trí nếu phải ly hôn anh D thống nhất giao cháu Cao Xuân D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ.

Xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển cho con, thấy rằng: Chị H có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu D1 ở cùng với chị H, được chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, bên cạnh đó cháu D1 còn rất bé (18 tháng), rất cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc từ mẹ. Nguyện vọng của chị H là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Cao Xuân D1 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H vì chị H không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Cao Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản và công nợ: Chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thu H được ly hôn anh Cao Xuân D.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Cao Xuân D1, sinh ngày: 21/6/2024 (giới tính: Nam) cho chị Phạm Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Cao Xuân D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

2.3. Anh Cao Xuân D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc các bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá, theo biên lai số 0001333 ngày 09/10/2025. Chị Phạm Thu H đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh Cao Xuân D không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Phạm Thu H và anh Cao Xuân D. Chị H và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Giang